

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 1067750734

Chứng nhận lần đầu: Ngày 16 tháng 01 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 15 tháng 4 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 12 tháng 6 năm 2017

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 244/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định 389/2016/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1067750734 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 16/01/2015; Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 12/8/2015;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH JPE Việt Nam nộp ngày 22/5/2017,

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC GIANG**

**Chứng nhận:** Dự án Nhà máy JPE Bắc Giang, Mã số dự án: 1067750734, do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 16/01/2015; Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 12/8/2015 được đăng ký điều chỉnh các nội dung: Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư và diện tích đất (nhà xưởng) sử dụng.

- **Nhà đầu tư thứ nhất:** Ông Park Jung Yun; Sinh ngày 01/9/1977; Quốc tịch Hàn Quốc; Số hộ chiếu: M72365451, do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 11/8/2009; Hộ khẩu thường trú: Kyengse Apt, Nam chung dong, Jung-Gu,

Seoul, Hàn Quốc; Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH JPE Việt Nam, Lô 17 Cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- **Nhà đầu tư thứ hai:** Ông Ye Yong Hui; Sinh ngày: 02/8/1974; Quốc tịch: Hàn Quốc; Số hộ chiếu: GY0052284, do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 04/04/2007; Hộ khẩu thường trú: Kyengse Apt, Nam chung dong, Jung-Gu, Seoul, Hàn Quốc; Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH JPE Việt Nam, Lô 17 Cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- **Nhà đầu tư thứ ba:** Công ty JPEnterprise Co., Ltd; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 390-81-00090, do Sở thuế vụ Guro cấp ngày 14/07/2015; Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 405, #1141, Ori-ro, Guro-Gu, Seoul, Hàn Quốc; Người đại diện theo pháp luật: Ông PARK JUNG YUN; Sinh ngày 01/9/1977; Quốc tịch Hàn Quốc; Chức danh: Giám đốc; Số hộ chiếu: M72365451, do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 11/8/2009; Hộ khẩu thường trú: Kyengse Apt, Nam chung dong, Jung-Gu, Seoul, Hàn Quốc; Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH JPE Việt Nam, Lô 17 Cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- **Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:** Công ty TNHH JPE Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400758539 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 16/01/2015.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

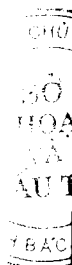
1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY JPE BẮC GIANG
2. Mục tiêu đầu tư:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC (*)
1	Sản xuất, gia công, lắp ráp đánh bóng khuôn dùng để đúc các sản phẩm bằng kim loại; Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.	2599	
2	Sản xuất, gia công, lắp ráp đánh bóng khuôn dùng để đúc các sản phẩm bằng nhựa; Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220	
3	Sửa chữa các loại khuôn; Gia công nguyên vật liệu khuôn;	Sửa chữa thiết bị khác	3319	
4	Gia công, lắp ráp các thiết bị, linh kiện điện tử, điện thoại viễn thông; Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gá dùng để kiểm tra lỗi các sản phẩm	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	

	như: vỏ, khung, viên, tai nghe của điện thoại và máy tính bảng (đồ gá JIG)			
5	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ (không gắn với thành lập cơ sở bán buôn, cơ sở bán bán lẻ) các hàng hóa có mã HS sau: 3403; 3405; 3810; 3917; 3919; 3923; 3926; 4006; 4015; 4016; 4414; 6210; 6216; 6307; 6506; 6802; 6803; 6804; 6805; 6903; 7105; 7223; 7305; 7306; 7307; 7308; 7312; 7314; 7315; 7316; 7317; 7318; 7319; 7320; 7321; 7323; 7324; 7325; 7326; 7403; 7407; 7408; 7412; 7418; 7419; 7609; 7616; 8003; 8201; 8202; 8203; 8204; 8205; 8207; 8208; 8209; 8210; 8211; 8212; 8213; 8214; 8301; 8302; 8305; 8307; 8311; 8413; 8414; 8420; 8423; 8424; 8436; 8456; 8458; 8459; 8460; 8461; 8462; 8465; 8466; 8467; 8468; 8471; 8477; 8480; 8482; 8501; 8504; 8505; 8512; 8515; 8535; 8536; 8539; 8540; 8547; 9011; 9017; 9029; 9031; 9405; 9603; 9608; 9611; 9612; 9818.	Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu.	4690; 4799	622; 632

### 3. Quy mô đầu tư:

- Sản xuất, gia công, lắp ráp đánh bóng khuôn dùng để đúc các sản phẩm bằng nhựa, bằng kim loại như: khung, nắp, vỏ điện thoại di động, tivi, thiết bị viễn thông, đồ gia dụng khoảng 250 sản phẩm/năm;
- Sản xuất sản phẩm bằng nhựa, bằng kim loại như: khung, nắp, vỏ điện thoại di động, tivi, thiết bị viễn thông, đồ gia dụng khoảng 250 sản phẩm/năm;
- Sửa chữa các loại khuôn: khoảng 300 sản phẩm/năm;
- Gia công nguyên vật liệu khuôn: khoảng 500.000 sản phẩm/năm;
- Gia công, lắp ráp các thiết bị, linh kiện điện tử, điện thoại viễn thông: 28.500 sản phẩm/năm;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gá dùng để kiểm tra lỗi các sản phẩm như: vỏ, khung, viên, tai nghe của điện thoại và máy tính bảng (đồ gá JIG): 400 sản phẩm/năm.



- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ (không gắn với thành lập cơ sở bán buôn, cơ sở bán bán lẻ) các hàng hóa có mã HS sau: 3403; 3405; 3810; 3917; 3919; 3923; 3926; 4006; 4015; 4016; 4414; 6210; 6216; 6307; 6506; 6802; 6803; 6804; 6805; 6903; 7105; 7223; 7305; 7306; 7307; 7308; 7312; 7314; 7315; 7316; 7317; 7318; 7319; 7320; 7321; 7323; 7324; 7325; 7326; 7403; 7407; 7408; 7412; 7418; 7419; 7609; 7616; 8003; 8201; 8202; 8203; 8204; 8205; 8207; 8208; 8209; 8210; 8211; 8212; 8213; 8214; 8301; 8302; 8305; 8307; 8311; 8413; 8414; 8420; 8423; 8424; 8436; 8456; 8458; 8459; 8460; 8461; 8462; 8465; 8466; 8467; 8468; 8471; 8477; 8480; 8482; 8501; 8504; 8505; 8512; 8515; 8535; 8536; 8539; 8540; 8547; 9011; 9017; 9029; 9031; 9405; 9603; 9608; 9611; 9612; 9818 với doanh thu dự kiến là 10.000.000.000 đồng/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 17 Cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Mạo Hại).

5. Diện tích nhà xưởng sử dụng: 1.595 m<sup>2</sup>.

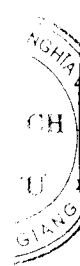
6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 600.000 USD (Sáu trăm nghìn đô la Mỹ), tương đương với 12.846.000.000 VNĐ (Mười hai tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty JPEnterprise Co., Ltd	6.423.000.000	300.000	50	Máy móc, thiết bị	60 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN lần đầu ngày 16/01/2015
2	PARK JUNG YUN	5.556.600.000	260.000	43,33	Tiền mặt	60 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN lần đầu ngày 16/01/2015
3	YE YONG HUI	856.400.000	40.000	6,67	Tiền mặt	60 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN lần đầu ngày 16/01/2015

- Vốn vay: Không.



7. Thời hạn hoạt động của dự án: 30 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 16/01/2015.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Dự án đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:** Theo quy định của pháp luật.

**Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

- Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và hàng năm về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang theo các biểu mẫu liên quan đến doanh nghiệp được quy định tại Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

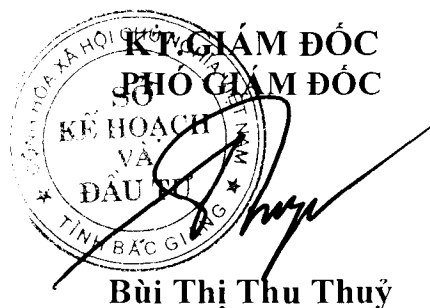
- Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư phải chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Nhà đầu tư phải áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các Điều 41, 42, 43 của Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có giá trị từ ngày ký và thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1067750734 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 16/01/2015; điều chỉnh lần thứ nhất ngày 15/4/2015; điều chỉnh lần thứ hai ngày 12/8/2015.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 02 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang.

  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
KẾ HOẠCH  
VÀ  
ĐẦU TƯ  
TỈNH BẮC GIANG  
Bùi Thị Thu Thủy